

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BẢN ÁN SỐ: 106/2026/DS-ST
Ngày: 08/4/2026
V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Tèo.
- Bà Hà Thị Cẩm Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 760/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp L, xã C, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1954;

2.2. Bà Trương Thị Ú, sinh năm 1961;

Cùng địa chỉ: khu phố T, phường A, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Vào ngày 30/5/2011, ông P có bán phân bón thuốc bảo vệ thực vật cho ông Nguyễn Văn D, bà Trương Thị Ú, ông D, bà Ú có nợ số tiền 158.000.000 đồng, nhưng sau đó, ông D, bà Ú âm thầm bán nhà chuyển đi nơi khác sinh sống, ông không biết địa chỉ nên không đòi được. Năm 2024, ông có nhờ công an xã P xin địa chỉ thì mới biết ông D, bà Ú chuyển về khu phố T, phường A sinh sống. Ngày 29/10/2024, giữa ông với ông D, bà Ú có hòa giải (lần hai) nhưng ông D, bà Ú không đồng ý trả cho ông. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông D, bà Ú có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 158.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông thừa nhận chữ ký, chữ viết tên trong giấy nợ mà ông P cung cấp là của ông và vợ là Trương Thị Út. Tuy nhiên, vợ chồng ông đã trả nợ cho ông P xong, ông có theo dõi quyền sở tay riêng của ông nhưng hiện tại đã không còn, ngoài ra, ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả nợ xong cho ông P. Do vợ chồng ông đã trả nợ cho ông P xong nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đồng bị đơn, bà Trương Thị Ú trình bày: Bà là vợ của ông D. Bà thừa nhận chữ ký, chữ viết tên trong giấy nợ mà ông P cung cấp là của bà. Bà thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông D, không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các căn cứ các Điều 1-66 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P đối với ông Nguyễn Văn D, bà Trương Thị Ú về việc tranh chấp đòi lại tài sản. Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Trương Thị Ú có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền 158.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn D, bà Trương Thị Ú có nghĩa vụ trả lại

số tiền 158.000.000 đồng. Ông **D**, bà **Ú** có địa chỉ: khu phố T, phường A, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

[2] Về nội dung vụ án: Ông **D**, bà **Ú** đều thừa nhận chữ ký, chữ viết tên trong giấy nợ mà ông **P** cung cấp là của ông **D**, bà **Ú**. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ xác định, ông **D**, bà **Ú** có nợ ông **P** số tiền 158.000.000 đồng là sự thật. Ông **D**, bà **Ú** trình bày đã trả nợ xong cho ông **P** nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ, ông **P** cũng không thừa nhận, nên lời trình bày của ông **D**, bà **Ú** là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, ông **P** khởi kiện yêu cầu ông **D**, bà **Ú** có nghĩa vụ trả số tiền 158.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Căn cứ theo quy định tại Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 166 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn P** đối với ông **Nguyễn Văn D**, bà **Trương Thị Ú** về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Buộc ông **Nguyễn Văn D**, bà **Trương Thị Ú** có nghĩa vụ trả cho ông **Nguyễn Văn P** số tiền 158.000.000 (một trăm năm mươi tám triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Ông **Nguyễn Văn P** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm,

2.2. Ông **Nguyễn Văn D**, bà **Trương Thị Ú** được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

T1

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12;
- P.THADS khu vực 12;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Nguyễn

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Nguyễn

Mặt khác, trong quá trình làm việc, bà **T**, chị **M**, anh **R** đều thống nhất: cụ **C**, cụ **N** có cho ông **R1** phần đất ở, liền kề với phần đất của bà **T**, nhưng bà **T** đã bán phần đất này để có tiền xây nhà và chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng anh **R**, chị **M**. Và hiện tại, anh **R**, chị **M** cũng được thừa hưởng từ cụ **N**, cụ **C** một phần đất ruộng diện tích khoảng 50 cao.

